

**Phụ lục**  
**BÁO CÁO, THỐNG KÊ TÌNH HÌNH SỐ HÓA KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÒN HIỆU LỰC**  
*(Kèm theo Công văn số /SKHCN-VP ngày /3/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)*

Tên cơ quan, đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ  
Điện thoại liên hệ: 094.2200.232

Email [vxthu@hungyen.gov.vn](mailto:vxthu@hungyen.gov.vn)

## I. KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÒN HIỆU LỰC CỦA CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI ĐANG CÒN HIỆU LỰC

| Stt      | Lĩnh vực/Tên TTHC                                                                                                | Mã số TTHC             | Tên, loại kết quả giải quyết TTHC                  | Tổng số kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực | Tổng số kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực đã số hóa | Thời gian hiệu lực                                            | Tình trạng số hóa, lưu trữ kết quả TTHC còn hiệu lực |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| (1)      | (2)                                                                                                              | (3)                    | (4)                                                | (5)                                               | (6)                                                         | (7)                                                           | (8)                                                  |
| <b>A</b> | <b>GIAI ĐOẠN 1997 - 2022</b>                                                                                     |                        |                                                    |                                                   |                                                             |                                                               |                                                      |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ</b>                                                                  |                        |                                                    | <b>156</b>                                        | <b>148</b>                                                  |                                                               |                                                      |
| 1        | Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ                                                           | 2.002278.000.00.00.H31 | Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ | 8                                                 | 8                                                           | Không có thời hạn                                             | Phần mềm một cửa                                     |
| 2        | Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ                                | 2.001525.000.00.00.H31 | Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ | 3                                                 | 3                                                           | Không có thời hạn                                             | Phần mềm một cửa                                     |
| 3        | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | 2.002248.000.00.00.H31 | Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ      | 20                                                | 20                                                          | Thời hạn trong giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ. | Phần mềm một cửa                                     |

| Stt | Lĩnh vực/Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã số TTHC              | Tên, loại kết quả giải quyết TTHC                                                    | Tổng số kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực | Tổng số kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực đã số hóa | Thời gian hiệu lực                             | Tình trạng số hóa, lưu trữ kết quả TTHC còn hiệu lực |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 4   | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                                             | 1.001786.000.00.00.H31  | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ                              | 7                                                 | 0                                                           | Khi giấy chứng nhận của tổ chức KH&CN thay đổi | Chưa được số hóa                                     |
| 5   | Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                   | 1.001716.000.00.00.H31  | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ                              | 1                                                 | 0                                                           | Khi giấy chứng nhận của tổ chức KH&CN thay đổi | Chưa được số hóa                                     |
| 6   | Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | 1.004473..000.00.00.H31 | Giấy chứng nhận                                                                      | 117                                               | 117                                                         | Vĩnh viễn                                      | Phần mềm một cửa                                     |
| II  | <b>Lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân</b>                                                                                                                                                                                                                                  |                         |                                                                                      | <b>223</b>                                        | <b>223</b>                                                  |                                                |                                                      |
| 1   | Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)                                                                                                                                                                 | 2.002379.000.00.00.H31  | Giấy chứng chỉ nhân viên bức xạ                                                      | 82                                                | 82                                                          | Không có thời hạn                              | Phần mềm một cửa                                     |
| 2   | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế                                                                                                                                                                            | 2.002380.000.00.00.H31  | Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế | 140                                               | 140                                                         | 3 năm từ thời điểm ban hành                    | Phần mềm một cửa                                     |

| Stt | Lĩnh vực/Tên TTHC                                                                                    | Mã số TTHC             | Tên, loại kết quả giải quyết TTHC              | Tổng số kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực | Tổng số kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực đã số hóa | Thời gian hiệu lực                                                                                                              | Tình trạng số hóa, lưu trữ kết quả TTHC còn hiệu lực |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 3   | Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế | 2.002381.000.00.00.H31 | Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (gia hạn) | 1                                                 | 1                                                           | 3 năm ( được tính từ ngày hết hạn của giấy phép cũ)                                                                             | Phần mềm một cửa                                     |
| III | Lĩnh vực Bưu chính                                                                                   |                        |                                                | 3                                                 | 3                                                           |                                                                                                                                 |                                                      |
| 1   | Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính                                                   | 1.00447.000.00.00.H31  | Văn bản xác nhận                               | 3                                                 | 3                                                           | Từ thời điểm ban hành đến khi doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung (hoặc doanh nghiệp, văn phòng đại diện không còn hoạt động) | Phần mềm một cửa/Phần mềm QLVB                       |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                     |                        |                                                | <b>382</b>                                        | <b>374</b>                                                  |                                                                                                                                 |                                                      |

| Stt | Lĩnh vực/Tên TTHC | Mã số TTHC | Tên, loại kết quả giải quyết TTHC | Tổng số kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực | Tổng số kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực đã số hóa | Thời gian hiệu lực | Tình trạng số hóa, lưu trữ kết quả TTHC còn hiệu lực |
|-----|-------------------|------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------|
|-----|-------------------|------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------|

| Stt | Lĩnh vực/Tên TTHC | Mã số TTHC | Tên, loại kết quả giải quyết TTHC | Tổng số kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực | Tổng số kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực đã số hóa | Thời gian hiệu lực | Tình trạng số hóa, lưu trữ kết quả TTHC còn hiệu lực |
|-----|-------------------|------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------|
|-----|-------------------|------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------|









